

BẢNG CHI TRẢ TẶNG THU NHẬP QUÝ II NĂM 2017

| Stt | Họ và tên             | Khoa, phòng             | Hệ số TTN tháng |     |      | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------------------|-----------------|-----|------|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                       |                         | 4               | 5   | 6    |      |            |                 |              |         |
| 1   | HOÀNG TIẾN VIỆT       | PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP | 2,3             | 2,3 | 2,3  | 6,9  | 11.643.683 |                 | 11.643.683   |         |
| 2   | VŨ HÙNG VƯƠNG         | PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP | 2,1             | 2,1 | 2,1  | 6,3  | 10.631.189 |                 | 10.631.189   |         |
| 3   | NGUYỄN ĐỨC DŨNG       | PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP | 1,9             | 1,9 | 1,9  | 5,7  | 9.618.695  |                 | 9.618.695    |         |
| 4   | NGUYỄN QUỐC DŨNG      | PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP | 2,1             | 2,1 | 0    | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 5   | ĐÁN THỊ HOA           | PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 6   | KIM THỊ NGỌC LAN      | PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP | 1,1             | 1,1 | 1,1  | 3,3  | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |         |
| 7   | NGUYỄN THỊ VIỆN       | PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 8   | NGUYỄN THỊ NHÍNH      | PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 9   | PHẠM THỊ VÂN          | PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP | 1,2             | 0   | 1,2  | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 10  | DƯƠNG THỊ HUYỀN       | PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 11  | NGUYỄN THỊ TÂM        | PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP | 1,1             | 1,1 | 1,1  | 3,3  | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |         |
| 12  | HOÀNG THỊ HOA         | PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP | 1,5             | 1,3 | 1,3  | 4,1  | 6.918.710  |                 | 6.918.710    |         |
| 13  | ĐẶNG ĐỨC CƯỜNG        | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG        | 1,6             | 1,6 | 1,6  | 4,8  | 8.099.953  |                 | 8.099.953    |         |
| 14  | HOÀNG THỊ HIỀN        | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG        | 1,4             | 1,4 | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 15  | NGUYỄN THỊ HÀ         | PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG        | 1,4             | 0   | 1,4  | 2,8  | 4.724.973  |                 | 4.724.973    |         |
| 16  | ĐỖ THỊ KIM THANH      | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN | 1,6             | 1,6 | 1,28 | 4,48 | 7.559.957  |                 | 7.559.957    |         |
| 17  | BÙI THỊ THU           | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN | 1,4             | 1,4 | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 18  | NGUYỄN THỊ DOÃN       | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 19  | LÊ THỊ MINH THÚY      | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN | 1,1             | 1,1 | 1,1  | 3,3  | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |         |
| 20  | ĐÀO THỊ THANH         | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN | 1,1             | 1,1 | 1,1  | 3,3  | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |         |
| 21  | PHẠM THỊ THU HẰNG     | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN | 0,55            | 1,1 | 1,1  | 2,75 | 4.640.598  |                 | 4.640.598    |         |
| 22  | NGUYỄN THỊ THỦY       | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN | 1,2             | 1,2 | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 23  | NGUYỄN THỊ NGUYỆT NGÀ | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN | 1,1             | 1,1 | 1,1  | 3,3  | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |         |

| Stt | Họ và tên             | Khoa, phòng                | Hệ số TTN tháng |      |      | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------------------------|-----------------|------|------|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                       |                            | 4               | 5    | 6    |      |            |                 |              |         |
| 24  | ĐỖ HOÀNG ANH          | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN    | 1,1             | 1,1  | 0,88 | 3,08 | 5.197.470  |                 | 5.197.470    |         |
| 25  | HOÀNG THỊ SỬA         | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN    | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 26  | VŨ THỊ HUỆ            | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN    | 1,3             | 1,3  | 1,3  | 3,9  | 6.581.212  |                 | 6.581.212    |         |
| 27  | NGUYỄN THỊ THU LINH   | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN    | 1,2             | 0,96 | 1,2  | 3,36 | 5.669.967  |                 | 5.669.967    |         |
| 28  | NGUYỄN VĂN TRUNG      | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN    | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 29  | NGUYỄN THU TRANG      | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN    | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 30  | VŨ THỊ BẦY            | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN    | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 31  | NGUYỄN THỊ HUẾ        | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN    | 0,3             | 0,3  | 0,36 | 0,96 | 1.619.991  |                 | 1.619.991    |         |
| 32  | NGUYỄN ANH TUẤN       | PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ  | 1,7             | 1,7  | 1,7  | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 33  | PHẠM THỊ KIM QUY      | PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ  | 1,4             | 1,4  | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 34  | ĐỖ TÁT CHI            | PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ  | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 35  | NGUYỄN ĐỨC THẮNG      | PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ  | 1               | 0,5  | 1    | 2,5  | 4.218.726  |                 | 4.218.726    |         |
| 36  | NGÔ PHẠM HIỆN         | PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ  | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 37  | NGUYỄN VĂN NGHĨA      | PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ  | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 38  | VŨ THỊ XUÂN           | PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ  | 0,7             | 0,7  | 0,7  | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 39  | NGUYỄN HẢI ĐĂNG       | PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ  | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 40  | LỘC THỊ QUYÊN         | PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ  | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 41  | NGUYỄN THỊ THẨM       | PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ  | 0,7             | 0,7  | 0,7  | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 42  | ĐINH VIỆT CƯỜNG       | PHÒNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG | 1,6             | 1,6  | 1,6  | 4,8  | 8.099.953  |                 | 8.099.953    |         |
| 43  | TRẦN MẠNH HÀ          | PHÒNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG | 1,4             | 1,4  | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 44  | LỘC THỊ BÍCH DUYỆT    | PHÒNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG | 1,1             | 1,1  | 1,1  | 3,3  | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |         |
| 45  | ĐỖ VIỆT HÀ            | PHÒNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 46  | CHU ĐỨC CẢNH          | PHÒNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG | 0,3             | 0,3  | 0,36 | 0,96 | 1.619.991  |                 | 1.619.991    |         |
| 47  | NGUYỄN THỊ LAN        | PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ       | 1,6             | 1,6  | 1,6  | 4,8  | 8.099.953  |                 | 8.099.953    |         |
| 48  | NGUYỄN ÁNH NGỌC       | PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ       | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 49  | VÀN THỊ KIM DUNG      | PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ       | 1,1             | 1,1  | 0    | 2,2  | 3.712.479  |                 | 3.712.479    |         |
| 50  | VŨ THỊ HẠ             | PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ       | 1,1             | 1,1  | 1,1  | 3,3  | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |         |
| 51  | NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG | PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ       | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |

| Stt | Họ và tên           | Khoa, phòng         | Hệ số TTN tháng |     |      | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đổ tài khoản | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------------|-----------------|-----|------|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                     |                     | 4               | 5   | 6    |      |            |                 |              |         |
| 52  | ĐỖ KHẮC CHIẾN       | PHÒNG VẬT TƯ - TBYT | 1,5             | 0   | 1,5  | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 53  | KIỀU HOA THƠM       | PHÒNG VẬT TƯ - TBYT | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 54  | ĐẶNG XUÂN QUÂN      | PHÒNG VẬT TƯ - TBYT | 1,2             | 1,2 | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 55  | ĐỒNG THỊ QUYÊN      | PHÒNG VẬT TƯ - TBYT | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 56  | QUÁCH THỊ HUYỀN     | PHÒNG VẬT TƯ - TBYT | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 57  | ĐẶNG THỊ THU        | KHOA DINH DƯỠNG     | 0,6             | 1,2 | 0,96 | 2,76 | 4.657.473  |                 | 4.657.473    |         |
| 58  | KHUẤT THỊ LỆ QUYÊN  | KHOA DINH DƯỠNG     | 1,4             | 1,4 | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 59  | BÙI BÍCH NGỌC       | KHOA DINH DƯỠNG     | 1,4             | 1,4 | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 60  | PHAN THỊ NGÀ        | Khoa Dinh dưỡng     | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 61  | NGUYỄN THỊ THU ĐÔNG | KHOA KHÁM BỆNH TYC  | 1,7             | 1,7 | 1,7  | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 62  | LÊ THỊ TOÀN         | KHOA KHÁM BỆNH TYC  | 1,5             | 1,5 | 1,5  | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 63  | NGUYỄN THỊ TUYẾN    | KHOA KHÁM BỆNH TYC  | 1,2             | 1,2 | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 64  | NGUYỄN THỊ MƠ       | KHOA KHÁM BỆNH TYC  | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 65  | LÊ THỊ THU NGÂN     | KHOA KHÁM BỆNH TYC  | 1               | 1   | 0    | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 66  | TRẦN SINH CƯỜNG     | KHOA KHÁM BỆNH TYC  | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 67  | NGUYỄN THỊ GIANG    | KHOA KHÁM BỆNH TYC  | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 68  | NGUYỄN THỊ CHINH    | KHOA KHÁM BỆNH TYC  | 0               | 1   | 1    | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 69  | PHẠM THỊ PHƯƠNG LAN | KHOA KHÁM BỆNH TYC  | 1               | 0   | 0    | 1    | 1.687.490  |                 | 1.687.490    |         |
| 70  | NGUYỄN THỊ PHAN     | KHOA KHÁM BỆNH TYC  | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 71  | TRẦN PHƯƠNG KÍNH    | KHOA KHÁM BỆNH TYC  | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 72  | CAM THỊ SỬ          | KHOA KHÁM BỆNH TYC  | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 73  | ĐỖ VĂN TUYẾN        | KHOA PHẪU THUẬT     | 1,7             | 1,7 | 1,7  | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 74  | NGUYỄN XUÂN THANH   | KHOA PHẪU THUẬT     | 1,5             | 1,5 | 1,5  | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 75  | PHẠM HỒNG THANH     | KHOA PHẪU THUẬT     | 1,3             | 1,3 | 1,3  | 3,9  | 6.581.212  |                 | 6.581.212    |         |
| 76  | NGUYỄN THỊ VĂN ANH  | KHOA PHẪU THUẬT     | 1,4             | 1,4 | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 77  | ĐÀO HÙNG HẢI        | KHOA PHẪU THUẬT     | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 78  | LÂM THỊ PHƯƠNG      | KHOA PHẪU THUẬT     | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 79  | NGUYỄN THỊ HUỆ      | KHOA PHẪU THUẬT     | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |

| Stt | Họ và tên            | Khoa, phòng     | Hệ số TTN tháng |     |      | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------------|-----------------|-----|------|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                      |                 | 4               | 5   | 6    |      |            |                 |              |         |
| 80  | NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN | KHOA PHẪU THUẬT | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 81  | LÃ THỊ VÂN           | KHOA PHẪU THUẬT | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 82  | NGUYỄN THỊ THU HÀ    | KHOA PHẪU THUẬT | 1,2             | 1,2 | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 83  | NGUYỄN TUYẾT NHUNG   | KHOA PHẪU THUẬT | 1,1             | 1,1 | 0,55 | 2,75 | 4.640.598  |                 | 4.640.598    |         |
| 84  | PHÙNG THU ĐIẾP       | KHOA PHẪU THUẬT | 0,5             | 1   | 1    | 2,5  | 4.218.726  |                 | 4.218.726    |         |
| 85  | HOÀNG THỊ THÚY       | KHOA PHẪU THUẬT | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 86  | ĐINH THỊ NGUYỆT      | KHOA PHẪU THUẬT | 0,8             | 1   | 1    | 2,8  | 4.724.973  |                 | 4.724.973    |         |
| 87  | HOÀNG THỊ NHUNG      | KHOA PHẪU THUẬT | 0,8             | 0   | 0    | 0,8  | 1.349.992  |                 | 1.349.992    |         |
| 88  | TRẦN THANH TUẤN      | KHOA PHẪU THUẬT | 1               | 0,5 | 1    | 2,5  | 4.218.726  |                 | 4.218.726    |         |
| 89  | HOÀNG THỊ THU TRÀ    | KHOA PHẪU THUẬT | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 90  | HOÀNG THỊ ĐÀO        | KHOA PHẪU THUẬT | 0,7             | 0,7 | 0,7  | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 91  | PHÙNG THỊ CÚC        | KHOA PHẪU THUẬT | 1               | 0,8 | 1    | 2,8  | 4.724.973  |                 | 4.724.973    |         |
| 92  | TRẦN THỊ LỰA         | KHOA PHẪU THUẬT | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 93  | PHAN THU TRANG       | KHOA PHẪU THUẬT | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 94  | ĐÀM MỸ HẠNH          | KHOA PHẪU THUẬT | 0,8             | 0,8 | 0,8  | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 95  | NÔNG THỊ TUYẾT MAI   | KHOA PHẪU THUẬT | 1,2             | 1,2 | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 96  | ĐINH TRỌNG TIẾN      | KHOA PHẪU THUẬT | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 97  | MAI NGỌC ANH         | KHOA PHẪU THUẬT | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 98  | LÊ ĐỨC THẮNG         | KHOA DƯỢC       | 1,6             | 1,6 | 1,6  | 4,8  | 8.099.953  |                 | 8.099.953    |         |
| 99  | NGUYỄN THỊ NHÀN      | KHOA DƯỢC       | 1,2             | 1,2 | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 100 | HOÀNG TUYẾT LAN      | KHOA DƯỢC       | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 101 | VŨ THỊ KIM VÂN       | KHOA DƯỢC       | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 102 | NGUYỄN THỊ HẢO       | KHOA DƯỢC       | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 103 | HOÀNG THỊ LƯU        | KHOA DƯỢC       | 1               | 0   | 1    | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 104 | ĐINH THỊ HOA         | KHOA DƯỢC       | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 105 | NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT | KHOA DƯỢC       | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 106 | ĐỖ THU HÀ            | KHOA DƯỢC       | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 107 | LÊ THU TRANG         | KHOA DƯỢC       | 1,4             | 1,4 | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |

| Stt | Họ và tên            | Khoa, phòng    | Hệ số TTN tháng |      |      | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------------|-----------------|------|------|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                      |                | 4               | 5    | 6    |      |            |                 |              |         |
| 108 | VIÊN THẾ DU          | KHOA DƯỢC      | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 109 | NGUYỄN TUYẾT NHUNG   | KHOA DƯỢC      | 1,1             | 1,1  | 1,1  | 3,3  | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |         |
| 110 | PHÙNG THỊ DUNG       | KHOA DƯỢC      | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 111 | TÔ HUYỀN TRANG       | KHOA DƯỢC      | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 112 | NGUYỄN THỊ LIÊN      | KHOA DƯỢC      | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 113 | NGUYỄN THỊ NHUNG     | KHOA DƯỢC      | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 114 | HOÀNG MINH HẢI       | KHOA DƯỢC      | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 115 | CHU QUỐC HUY         | KHOA DƯỢC      | 1,2             | 1,2  | 0    | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 116 | NGUYỄN THỊ HƯỜNG     | KHOA A10       | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 117 | NGUYỄN THỊ THU HUYỀN | KHOA A10       | 0,6             | 0,96 | 1,2  | 2,76 | 4.657.473  |                 | 4.657.473    |         |
| 118 | NGUYỄN THỊ TUYẾT     | KHOA A10       | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 119 | NGUYỄN THỊ HIỀN      | KHOA A10       | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 120 | LỘC THỊ UYÊN         | KHOA A10       | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 121 | LÊ THỊ THANH         | KHOA A10       | 1               | 1    | 0,8  | 2,8  | 4.724.973  |                 | 4.724.973    |         |
| 122 | HOÀNG THỊ THU HIỀN   | KHOA A10       | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 123 | CẦN THỊ HƯƠNG GIANG  | KHOA A10       | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 124 | TRẦN HỮU LONG        | KHOA KHÁM BỆNH | 1,36            | 1,36 | 1,36 | 4,08 | 6.884.960  |                 | 6.884.960    |         |
| 125 | TRẦN THÚY LAN        | KHOA KHÁM BỆNH | 1,4             | 1,4  | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 126 | NGUYỄN THỊ DINH      | KHOA KHÁM BỆNH | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 127 | HOÀNG THỊ KIM THOA   | KHOA KHÁM BỆNH | 0,96            | 0,96 | 0,96 | 2,88 | 4.859.972  |                 | 4.859.972    |         |
| 128 | MA THỊ MỄ            | KHOA KHÁM BỆNH | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 129 | PHAN THỊ NHƯ         | KHOA KHÁM BỆNH | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 130 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG     | KHOA KHÁM BỆNH | 0,6             | 1,2  | 1,2  | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 131 | HOÀNG THU TRANG      | KHOA KHÁM BỆNH | 0               | 1    | 1    | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 132 | NGUYỄN THỊ HIẾU      | KHOA KHÁM BỆNH | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 133 | DƯƠNG THỊ HOA        | KHOA KHÁM BỆNH | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 134 | ĐÀO THỊ THU TRANG    | KHOA KHÁM BỆNH | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 135 | TRIỆU KIM PHƯỢNG     | KHOA KHÁM BỆNH | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |

| Stt | Họ và tên            | Khoa, phòng           | Hệ số TTN tháng |      |      | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------------------|-----------------|------|------|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                      |                       | 4               | 5    | 6    |      |            |                 |              |         |
| 136 | BÙI THỊ THẢO         | KHOA KHÁM BỆNH        | 1               | 1    | 0    | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 137 | LÃ NGỌC TRANG        | KHOA KHÁM BỆNH        | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 138 | LÔ THỊ HỒNG NHUNG    | KHOA KHÁM BỆNH        | 1               | 0,5  | 1    | 2,5  | 4.218.726  |                 | 4.218.726    |         |
| 139 | MAI NGỌC NHỊ         | KHOA KHÁM BỆNH        | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 140 | NGUYỄN THÚY LINH     | KHOA KHÁM BỆNH        | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 141 | PHẠM THỊ HẠNH        | KHOA KHÁM BỆNH        | 1               | 1    | 0    | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 142 | CHU BÍCH DIỆP        | KHOA KHÁM BỆNH        | 1,2             | 1,2  | 0,96 | 3,36 | 5.669.967  |                 | 5.669.967    |         |
| 143 | PHẠM THỊ HỒNG        | KHOA KHÁM BỆNH        | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 144 | PHẠM THỊ DƯƠNG       | KHOA KHÁM BỆNH        | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 145 | NGUYỄN TUYẾT PHONG   | KHOA KHÁM BỆNH        | 0               | 0    | 1,04 | 1,04 | 1.754.990  |                 | 1.754.990    |         |
| 146 | NGUYỄN QUẾ HƯƠNG     | Khoa Khám bệnh        | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 147 | ĐỖ THỊ OANH          | Khoa Khám bệnh        | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  | 300.000         | 4.762.471    |         |
| 148 | HOÀNG THỊ ĐA         | KHOA MẮT              | 1,7             | 1,7  | 1,7  | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 149 | NGUYỄN THỊ ĐỖ PHÚC   | KHOA MẮT              | 1,5             | 1,5  | 1,5  | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 150 | VŨ HẢI YẾN           | KHOA MẮT              | 1,4             | 1,4  | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 151 | LƯƠNG THỊ THÚY       | KHOA MẮT              | 0,8             | 0,8  | 0,8  | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 152 | PHAN THỊ DUNG        | KHOA MẮT              | 1               | 0    | 1    | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 153 | TẠ THỊ NGÀ           | KHOA MẮT              | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 154 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG    | KHOA MẮT              | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 155 | CẦN NGỌC THÚY        | KHOA MẮT              | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 156 | TẠ MINH HOÀN         | KHOA MẮT              | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 157 | VŨ THỊ QUỲNH ANH     | KHOA MẮT              | 0,96            | 1,2  | 1,2  | 3,36 | 5.669.967  |                 | 5.669.967    |         |
| 158 | LÒ THỊ TÂM           | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT | 1,36            | 1,36 | 0,85 | 3,57 | 6.024.340  |                 | 6.024.340    |         |
| 159 | NGUYỄN THỊ THÚY TÌNH | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT | 1,4             | 1,4  | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 160 | TÀO HỒNG HẢI         | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 161 | ĐINH THỊ KIM PHƯỢNG  | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 162 | LỆNH THỊ MINH KIM    | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT | 0,8             | 0,8  | 0,8  | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 163 | ĐỖ TÂN DIỆP          | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  | 300.000         | 4.762.471    |         |

| Stt | Họ và tên            | Khoa, phòng             | Hệ số TTN tháng |     |      | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------------------|-----------------|-----|------|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                      |                         | 4               | 5   | 6    |      |            |                 |              |         |
| 164 | LƯƠNG VĂN HIỆP       | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT   | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 165 | PHẠM THỊ HỒNG THÚY   | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT   | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 166 | HÀ LAN ANH           | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT   | 1,4             | 1,4 | 0,7  | 3,5  | 5.906.216  |                 | 5.906.216    |         |
| 167 | NGUYỄN THỊ LAN       | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT   | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 168 | TRẦN CAO QUYỀN       | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT   | 1,2             | 1,2 | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 169 | HOÀNG THỊ GIANG      | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT   | 0               | 0   | 1    | 1    | 1.687.490  |                 | 1.687.490    |         |
| 170 | LÂM QUANG VIỆN       | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT   | 1,2             | 0   | 1,2  | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 171 | NGUYỄN THỊ NIỀM      | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT   | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 172 | HOÀNG THỊ HẠ         | KHOA RĂNG - HÀM - MẶT   | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 173 | NGUYỄN THỊ THANH TÂM | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 1,7             | 1,7 | 0,85 | 4,25 | 7.171.834  |                 | 7.171.834    |         |
| 174 | HOÀNG THỊ QUÊ        | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 1,4             | 1,4 | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 175 | ĐỖ THỊ YÊN           | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 176 | HOÀNG THỊ SINH       | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 177 | NGUYỄN QUYẾT TIẾN    | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 0,5             | 1   | 1    | 2,5  | 4.218.726  |                 | 4.218.726    |         |
| 178 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 179 | NGUYỄN THỊ TƯƠI      | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 180 | NGUYỄN THỊ HÀ GIANG  | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 1               | 1   | 0    | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 181 | HÀ ANH TRUNG         | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 182 | LÊ THỊ PHÒNG         | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 0               | 0   | 1    | 1    | 1.687.490  |                 | 1.687.490    |         |
| 183 | HOÀNG HỒNG ANH       | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 184 | LƯU VĂN KÍNH         | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 185 | NGUYỄN THỊ QUỲNH     | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 186 | VƯƠNG THỦY VÂN       | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 1,2             | 1,2 | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 187 | LÂM NGỌC HUYỀN       | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 1,2             | 1,2 | 0    | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 188 | NGÔ THỊ THANH HUYỀN  | KHOA TAI MŨI HỌNG       | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 189 | XUÂN VĂN KHÁNH       | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1,7             | 1,7 | 1,7  | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 190 | NGUYỄN ĐỨC THẮNG     | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1,2             | 1,2 | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 191 | ĐỖ HỒNG PHONG        | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1,2             | 1,2 | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |

| Stt | Họ và tên            | Khoa, phòng             | Hệ số TTN tháng |     |      | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------------------|-----------------|-----|------|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                      |                         | 4               | 5   | 6    |      |            |                 |              |         |
| 192 | NGUYỄN XUÂN NGHĨA    | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1,5             | 1,5 | 1,5  | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 193 | MAI TIỀN DŨNG        | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 194 | NGUYỄN VĂN KHANH     | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 195 | XUÂN THẾ DŨ          | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 196 | BẾ VĂN HỢP           | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 197 | NGUYỄN THỊ GIANG     | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 0,8             | 0,8 | 0,8  | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 198 | PHAN KHƯƠNG DUY      | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1,1             | 1,1 | 1,1  | 3,3  | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |         |
| 199 | ĐỖ VĂN CẢNH          | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1,3             | 1,3 | 1,3  | 3,9  | 6.581.212  |                 | 6.581.212    |         |
| 200 | ĐỖ THỊ YẾN           | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 0,8             | 0,8 | 1    | 2,6  | 4.387.475  |                 | 4.387.475    |         |
| 201 | ĐINH XUÂN HẠNH       | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 202 | TRIỀU THỊ THU HOÀN   | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 0,8             | 0,8 | 0,8  | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 203 | NGUYỄN THẾ HIỆP      | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 204 | TÀO QUỐC HUY         | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1               | 1   | 0    | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 205 | LỤC VĂN NGUYÊN       | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1,2             | 1,2 | 0,96 | 3,36 | 5.669.967  |                 | 5.669.967    |         |
| 206 | LỆNH VĂN HẬU         | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1,2             | 1,2 | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 207 | ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG     | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 0,8             | 0,8 | 0,8  | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 208 | ĐỖ TRUNG DŨNG        | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 209 | TRẦN MINH CHƯỜNG     | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 1,2             | 1,2 | 0    | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 210 | LÝ NGỌC HOÀNG        | KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 211 | NGUYỄN THỊ THÀNH     | KHOA THĂM DÒ CHỨC NĂNG  | 1,4             | 1,4 | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 212 | PHẠM THỊ TOAN        | KHOA THĂM DÒ CHỨC NĂNG  | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 213 | NGUYỄN THỊ DUNG      | KHOA THĂM DÒ CHỨC NĂNG  | 0,7             | 0,7 | 0,7  | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 214 | HOÀNG THỊ THỰC       | KHOA THĂM DÒ CHỨC NĂNG  | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 215 | NGUYỄN BÍCH THỦY     | KHOA THĂM DÒ CHỨC NĂNG  | 0,7             | 0,7 | 0,7  | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 216 | PHÙNG THỊ PHƯƠNG     | KHOA THĂM DÒ CHỨC NĂNG  | 0               | 0   | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 217 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HÀ | KHOA THĂM DÒ CHỨC NĂNG  | 1,2             | 1,2 | 0,6  | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 218 | NGUYỄN THỊ MAI HOA   | KHOA THĂM DÒ CHỨC NĂNG  | 1               | 1   | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 219 | NGUYỄN THỊ KIM HUẾ   | KHOA THĂM DÒ CHỨC NĂNG  | 1,2             | 1,2 | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |

| Stt | Họ và tên                 | Khoa, phòng               | Hệ số TTN tháng |      |      | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|---------------------------|---------------------------|-----------------|------|------|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                           |                           | 4               | 5    | 6    |      |            |                 |              |         |
| 220 | PHẠM TUẤN ANH             | KHOA THĂM DÒ CHÚC NĂNG    | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 221 | LÊ VIỆT QUANG             | KHOA XÉT NGHIỆM           | 0               | 0,8  | 1,6  | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 222 | ĐẶNG THỊ NGÀ              | KHOA XÉT NGHIỆM           | 1,4             | 1,4  | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 223 | VŨ ĐỨC TOÀN               | KHOA XÉT NGHIỆM           | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 224 | NGUYỄN HÀ THU             | KHOA XÉT NGHIỆM           | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 225 | TÔ THỊ HƯƠNG              | KHOA XÉT NGHIỆM           | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 226 | NGUYỄN THỊ KIM NGÀ        | KHOA XÉT NGHIỆM           | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 227 | NGUYỄN THỊ HOÀI LINH      | KHOA VI SINH              | 1,6             | 1,6  | 0    | 3,2  | 5.399.969  |                 | 5.399.969    |         |
| 228 | BÙI THỊ HẢI BÌNH          | KHOA VI SINH              | 1,4             | 1,4  | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 229 | PHAN THỊ OANH             | KHOA VI SINH              | 0               | 1    | 1    | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 230 | LÝ HOÀNG VIỆT             | KHOA VI SINH              | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 231 | HOÀNG THỊ THỂ             | KHOA VI SINH              | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 232 | PHẠM THÙY LINH            | KHOA VI SINH              | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 233 | NGUYỄN NGỌC LƯU           | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 1,7             | 1,7  | 1,7  | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 234 | BÙI THỊ HẰNG              | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 1,4             | 1,4  | 0    | 2,8  | 4.724.973  |                 | 4.724.973    |         |
| 235 | TRẦN THỊ HUỆ              | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 0,7             | 0,7  | 0,7  | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 236 | HÀ THỊ HỒNG NHUNG         | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 237 | ĐỖ THIÊN DIỆP             | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 1,1             | 1,1  | 1,1  | 3,3  | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |         |
| 238 | LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO        | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 0,8             | 0,8  | 0,8  | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 239 | LƯƠNG THỊ THẢO KHUYÊN     | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 240 | NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG"A" | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 1,2             | 1,2  | 0    | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 241 | HỨA THÚY NGÀ              | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 242 | MAI THU GIANG             | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 1,2             | 0,96 | 0,96 | 3,12 | 5.264.970  |                 | 5.264.970    |         |
| 243 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN       | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 244 | TRỊNH THỊ CẢNH            | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 245 | ĐÀO THỊ MINH HUỆ          | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 246 | NGUYỄN KIM DUNG           | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 247 | ĐINH THỊ LƯƠNG TÂM        | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 0,96            | 0,96 | 0    | 1,92 | 3.239.981  |                 | 3.239.981    |         |

| Stt | Họ và tên                | Khoa, phòng               | Hệ số TTN tháng |      |      | Cộng | Thành tiền | Bị phạt<br>trừ TTN | Đỗ tài<br>khoản | Ghi chú |
|-----|--------------------------|---------------------------|-----------------|------|------|------|------------|--------------------|-----------------|---------|
|     |                          |                           | 4               | 5    | 6    |      |            |                    |                 |         |
| 248 | NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG B | KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU | 0,96            | 1,2  | 1,2  | 3,36 | 5.669.967  |                    | 5.669.967       |         |
| 249 | ĐINH THỊ HÀ              | KHOA GIẢI PHẪU BỆNH       | 1,6             | 1,6  | 1,6  | 4,8  | 8.099.953  |                    | 8.099.953       |         |
| 250 | MA THỊ NHÉ               | KHOA GIẢI PHẪU BỆNH       | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                    | 6.074.965       |         |
| 251 | HÀ THỊ NGUYỆT            | KHOA GIẢI PHẪU BỆNH       | 1               | 0    | 1    | 2    | 3.374.981  |                    | 3.374.981       |         |
| 252 | TRẦN THỊ HIÊN            | KHOA GIẢI PHẪU BỆNH       | 1               | 1    | 0    | 2    | 3.374.981  |                    | 3.374.981       |         |
| 253 | NGUYỄN THỊ THẨM          | KHOA GIẢI PHẪU BỆNH       | 1               | 1    | 0    | 2    | 3.374.981  |                    | 3.374.981       |         |
| 254 | SÀM THU HƯƠNG            | KHOA GIẢI PHẪU BỆNH       | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                    | -               |         |
| 255 | ĐỖ THỊ THỦY              | KHOA SẢN                  | 1,7             | 1,7  | 1,7  | 5,1  | 8.606.201  |                    | 8.606.201       |         |
| 256 | NÔNG THỊ BÍCH NGỌC       | KHOA SẢN                  | 1,5             | 1,5  | 0    | 3    | 5.062.471  |                    | 5.062.471       |         |
| 257 | TRẦN THỊ HỒNG ĐIỆP       | KHOA SẢN                  | 1,2             | 1,2  | 0    | 2,4  | 4.049.977  |                    | 4.049.977       |         |
| 258 | SIN THỊ HUYỀN            | KHOA SẢN                  | 1,5             | 1,5  | 1,5  | 4,5  | 7.593.706  |                    | 7.593.706       |         |
| 259 | LÂM THỊ KIM NGÂN         | KHOA SẢN                  | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                    | 6.074.965       |         |
| 260 | NGUYỄN THỊ TÂM           | KHOA SẢN                  | 0,8             | 0,8  | 0,8  | 2,4  | 4.049.977  |                    | 4.049.977       |         |
| 261 | NGUYỄN THỊ XUYỀN         | KHOA SẢN                  | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                    | -               |         |
| 262 | NGUYỄN THỊ THẬP          | KHOA SẢN                  | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                    | 5.062.471       |         |
| 263 | VI THỊ VÂN               | KHOA SẢN                  | 0,7             | 0,7  | 0,7  | 2,1  | 3.543.730  |                    | 3.543.730       |         |
| 264 | NGUYỄN THỊ HẠNH          | KHOA SẢN                  | 0,8             | 0,8  | 1    | 2,6  | 4.387.475  |                    | 4.387.475       |         |
| 265 | NGUYỄN THỊ NHUNG         | KHOA SẢN                  | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                    | 5.062.471       |         |
| 266 | NGUYỄN THỊ HUYỀN LÊ      | KHOA SẢN                  | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                    | -               |         |
| 267 | ĐÁN THỊ HÀ               | KHOA SẢN                  | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                    | 5.062.471       |         |
| 268 | ĐỖ THỊ BÍCH VIỆT         | KHOA SẢN                  | 1               | 1    | 0    | 2    | 3.374.981  |                    | 3.374.981       |         |
| 269 | HOÀNG THỊ GIANG          | KHOA SẢN                  | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                    | 5.062.471       |         |
| 270 | NGUYỄN THỊ NHI           | KHOA SẢN                  | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                    | 6.074.965       |         |
| 271 | NGUYỄN THỊ LIÊN          | KHOA SẢN                  | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                    | 5.062.471       |         |
| 272 | ĐẶNG THỊ NGÂN            | KHOA SẢN                  | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                    | 6.074.965       |         |
| 273 | BÙI THỊ MẠNH NGÀN        | KHOA SẢN                  | 0,88            | 0,88 | 0,88 | 2,64 | 4.454.974  |                    | 4.454.974       |         |
| 274 | HÀ THỊ THANH THỦY        | KHOA SẢN                  | 1               | 1    | 0    | 2    | 3.374.981  | 300.000            | 3.074.981       |         |
| 275 | HOÀNG THỊ NHỎ            | KHOA SẢN                  | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                    | 5.062.471       |         |

| Stt | Họ và tên            | Khoa, phòng | Hệ số TTN tháng |      |     | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------|-----------------|------|-----|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                      |             | 4               | 5    | 6   |      |            |                 |              |         |
| 276 | HÀ THỊ KIM DIỄN      | KHOA SẢN    | 1,2             | 1,2  | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 277 | PHÙNG THỊ DUYÊN      | KHOA SẢN    | 1,1             | 1,1  | 1,1 | 3,3  | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |         |
| 278 | NGUYỄN HOÀNG THẠCH   | KHOA SẢN    | 0               | 0    | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 279 | NGUYỄN THỊ KIM LIÊN  | KHOA NHI    | 1,52            | 1,52 | 0   | 3,04 | 5.129.971  |                 | 5.129.971    |         |
| 280 | NGUYỄN THỊ MINH TRÂM | KHOA NHI    | 1,5             | 1,5  | 1,5 | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 281 | NGUYỄN THỊ THU HÀ    | KHOA NHI    | 1,3             | 1,3  | 1,3 | 3,9  | 6.581.212  |                 | 6.581.212    |         |
| 282 | LÊ THỊ KIM THOA      | KHOA NHI    | 1,4             | 1,4  | 1,4 | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 283 | NGUYỄN THỊ TUYẾT     | KHOA NHI    | 1               | 1    | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 284 | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH  | KHOA NHI    | 1               | 1    | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 285 | PHAN THỊ XUÂN        | KHOA NHI    | 1               | 1    | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 286 | NGÔ VINH QUANG       | KHOA NHI    | 1,2             | 0    | 1,2 | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 287 | NGÔ THỊ TUYẾT        | KHOA NHI    | 1,2             | 1,2  | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 288 | DƯƠNG THỊ HIỀN       | KHOA NHI    | 1,2             | 1,2  | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 289 | ĐỖ THỊ LAN HƯƠNG     | KHOA NHI    | 1,2             | 1,2  | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 290 | LÝ THỊ THU TRANG     | KHOA NHI    | 1               | 1    | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 291 | VIÊN THỊ TUYỀN       | KHOA NHI    | 1               | 1    | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 292 | LƯƠNG CAO ĐẠT        | KHOA NHI    | 1,5             | 1,5  | 1,5 | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 293 | HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH  | KHOA NHI    | 1,2             | 1,2  | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 294 | NGUYỄN THỊ NGUYỄN    | KHOA NHI    | 0               | 0    | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 295 | VŨ ANH TUYẾN         | KHOA NHI    | 0               | 1    | 1   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 296 | HOÀNG THỊ HUẾ        | KHOA NHI    | 1               | 1    | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 297 | MƯỜNG TIẾN ĐỨC       | KHOA NHI    | 0               | 1    | 1   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 298 | NGUYỄN THỊ HỢP       | KHOA NHI    | 1               | 1    | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 299 | NGUYỄN THỊ HỒNG NHÂN | KHOA NHI    | 1,2             | 1,2  | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 300 | MA TƯỜNG HUY         | KHOA NHI    | 1,2             | 0    | 1,2 | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 301 | LƯƠNG THỊ PHÚC       | KHOA NHI    | 1               | 1    | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 302 | TRẦN THU HÀ          | KHOA NHI    | 1               | 1    | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 303 | CHU HỒNG VŨ          | KHOA NHI    | 1               | 1    | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |

| Stt | Họ và tên            | Khoa, phòng              | Hệ số TTN tháng |     |     | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------|-----------------|-----|-----|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                      |                          | 4               | 5   | 6   |      |            |                 |              |         |
| 304 | VŨ THỊ MINH NGÀ      | KHOA NHI                 | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 305 | ĐỖ THỊ DIỆP          | KHOA NHI                 | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 306 | PHAN THỊ HỒNG VÂN    | Khoa Nhi                 | 1               | 0   | 0   | 1    | 1.687.490  |                 | 1.687.490    |         |
| 307 | NGUYỄN VIỆT THẮNG    | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1,7             | 1,7 | 1,7 | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 308 | MAI BẢO TRUNG        | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1,5             | 1,5 | 1,5 | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 309 | LƯU THỊ VIỆT         | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 310 | NGUYỄN HỒNG MINH     | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1               | 1,2 | 1,2 | 3,4  | 5.737.467  |                 | 5.737.467    |         |
| 311 | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1,2             | 1,2 | 0,6 | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 312 | NGUYỄN THỊ VÂN       | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 313 | NGUYỄN THỊ LIÊN      | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 314 | ĐÀM THỊ THẨM         | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 315 | NGUYỄN THỊ THANH HẢI | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 0               | 1   | 1   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 316 | TRƯƠNG THỊ LÝ        | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 317 | CAO THỊ TIÊN         | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 318 | DƯƠNG THÙY LOAN      | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 319 | HOÀNG THỊ KHUYÊN     | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 320 | LÊ THỊ KIM NGÂN      | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 321 | PHẠM THỊ XUYẾN       | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 0,7             | 0,7 | 0,7 | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 322 | NGUYỄN THÙY LINH     | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1               | 1   | 0   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 323 | LƯU CẨM LOAN         | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 324 | NGUYỄN THỊ HUYỀN MY  | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 325 | PHÙNG THỊ HỒNG HẠNH  | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 326 | LỆNH THỊ TÂN         | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 327 | DƯƠNG MINH CHÂU      | KHOA NỘI TỔNG HỢP        | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 328 | VŨ ĐÌNH CAO          | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1,7             | 1,7 | 1,7 | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 329 | NGUYỄN THỊ LUYẾN     | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 330 | NGUYỄN XUÂN TIẾN     | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 331 | NGUYỄN THỊ HIỀN      | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1,4             | 1,4 | 1,4 | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |

| Stt | Họ và tên            | Khoa, phòng              | Hệ số TTN tháng |     |     | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đổ tài khoản | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------|-----------------|-----|-----|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                      |                          | 4               | 5   | 6   |      |            |                 |              |         |
| 332 | HOÀNG THỊ NGỌC ĐIỆP  | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1               | 1   | 0   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 333 | LỤC THỊ THU HẰNG     | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 334 | NGUYỄN VĂN SANG      | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 335 | ĐẶNG THỊ SAO MAI     | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 0               | 0   | 1,2 | 1,2  | 2.024.988  |                 | 2.024.988    |         |
| 336 | TRẦN THỊ THÚY        | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 337 | TRỊNH TIỀN HÙNG      | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1,5             | 1,5 | 1,5 | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 338 | HOÀNG THỊ MAI SIM    | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 339 | LÒ THÀNH SƠN ANH     | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 340 | LÒ THỊ HƯƠNG         | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 341 | NGUYỄN THỊ NHO       | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 342 | ĐINH THỊ DUYÊN       | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 343 | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 344 | NGUYỄN THỊ PHUỜNG    | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 0,7             | 0,7 | 0,7 | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 345 | PHẠM THỊ HUYỀN TRANG | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 346 | NGUYỄN THẾ HÙNG      | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 347 | VŨ NGỌC QUYẾT        | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 1,7             | 1,7 | 1,7 | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 348 | PHẠM ANH TUẤN        | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 1,4             | 1,4 | 1,4 | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 349 | NGUYỄN THỊ HẰNG      | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 350 | LÝ THỊ HẰNG          | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 0,8             | 1   | 0   | 1,8  | 3.037.483  |                 | 3.037.483    |         |
| 351 | TRẦN THỊ KIM DUNG    | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 0,8             | 1   | 1   | 2,8  | 4.724.973  |                 | 4.724.973    |         |
| 352 | LÂM THỊ THANH TUYỀN  | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 353 | LÊ THỊ THẢO          | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 354 | NGUYỄN THỊ HẢI LÝ    | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 355 | MAI THỊ THU HẰNG     | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 356 | ĐỖ TRUNG KIÊN        | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 1,5             | 1,5 | 1,5 | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 357 | BÙI QUANG THÁI       | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 358 | ĐÀO THỊ THẨM         | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 0,7             | 0,7 | 0,7 | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 359 | NGUYỄN TÙNG ANH      | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP      | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |

| Stt | Họ và tên            | Khoa, phòng                   | Hệ số TTN tháng |     |     | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đổ tài khoản | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------------------------|-----------------|-----|-----|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                      |                               | 4               | 5   | 6   |      |            |                 |              |         |
| 360 | ĐẶNG CAO KỶ          | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP           | 1,2             | 1,2 | 0   | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 361 | BÙI NGỌC HÂN         | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP           | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 362 | LỘC TRẦN THỊNH       | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP           | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 363 | NGUYỄN THỊ TUYẾT LAN | KHOA NGOẠI TỔNG HỢP           | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 364 | MÃ HỒNG CẦU          | KHOA UNG BƯỚU                 | 1,7             | 1,7 | 1,7 | 5,1  | 8.606.201  | 100.000         | 8.506.201    |         |
| 365 | NGUYỄN KHÁNH DỪNG    | KHOA UNG BƯỚU                 | 1,4             | 1,4 | 1,4 | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 366 | VŨ THỊ ÁNH HỒNG      | KHOA UNG BƯỚU                 | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 367 | TRẦN THỊ THU NGỌC    | KHOA UNG BƯỚU                 | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 368 | ĐỖ THỊ THÙY LIÊN     | KHOA UNG BƯỚU                 | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 369 | XIN THỊ THỦY         | KHOA UNG BƯỚU                 | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 370 | PHẠM MINH HẢI        | KHOA UNG BƯỚU                 | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 371 | CHU MINH HẢI         | KHOA UNG BƯỚU                 | 1,3             | 1,3 | 1,3 | 3,9  | 6.581.212  |                 | 6.581.212    |         |
| 372 | HOÀNG THỊ PHẤN       | KHOA UNG BƯỚU                 | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 373 | NGHIÊM XUÂN VIỆT     | KHOA UNG BƯỚU                 | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 374 | QUAN THỊ VÊN         | KHOA UNG BƯỚU                 | 1               | 1   | 0   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 375 | PHẠM VĂN CẢNH        | KHOA UNG BƯỚU                 | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 376 | LÊ VĂN LỢI           | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 1,9             | 1,9 | 1,9 | 5,7  | 9.618.695  | 100.000         | 9.518.695    |         |
| 377 | NGUYỄN THỊ HÀ        | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 0,7             | 1,4 | 1,4 | 3,5  | 5.906.216  |                 | 5.906.216    |         |
| 378 | ĐÀO THÙY DƯƠNG       | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 1,5             | 1,5 | 1,5 | 4,5  | 7.593.706  | 100.000         | 7.493.706    |         |
| 379 | PHẠM VĂN CƯỜNG       | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 380 | NGỌC THANH PHƯƠNG    | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 1,3             | 1,3 | 1,3 | 3,9  | 6.581.212  | 100.000         | 6.481.212    |         |
| 381 | HOÀNG THỊ HUYỀN      | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 382 | NGUYỄN THỊ VIỆT NGÀ  | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 0,88            | 1,1 | 1,1 | 3,08 | 5.197.470  |                 | 5.197.470    |         |
| 383 | NGUYỄN THỊ NẾT       | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 384 | HỨA THỊ HUỠNG        | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 1               | 1   | 0   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 385 | NGUYỄN VĂN TÍCH      | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 386 | LÊU THỊ HIỀN         | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 1               | 1   | 0   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 387 | NGUYỄN DUY HOÀNG     | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |

| Stt | Họ và tên            | Khoa, phòng                   | Hệ số TTN tháng |     |     | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------------------------|-----------------|-----|-----|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                      |                               | 4               | 5   | 6   |      |            |                 |              |         |
| 388 | NGUYỄN THỊ DẬU       | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 389 | NGUYỄN THỊ OÁCH      | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 390 | ĐÀO THỊ HƯƠNG        | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 391 | PHẠM NGỌC NAM        | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 392 | NGUYỄN XUÂN SƠN      | KHOA CẤP CỨU                  | 1,7             | 1,7 | 1,7 | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 393 | PHAN CÔNG LÝ         | KHOA CẤP CỨU                  | 1,4             | 1,4 | 1,4 | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 394 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN  | KHOA CẤP CỨU                  | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 395 | LỤC THỊ PHƯƠNG       | KHOA CẤP CỨU                  | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 396 | ĐẶNG THỊ CHUNG       | KHOA CẤP CỨU                  | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 397 | TRẦN VIỄN DƯƠNG      | KHOA CẤP CỨU                  | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 398 | PHAN THỊ PHƯỢNG      | KHOA CẤP CỨU                  | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 399 | NGUYỄN ĐỨC QUYẾT     | KHOA CẤP CỨU                  | 0,5             | 0   | 0   | 0,5  | 843.745    |                 | 843.745      |         |
| 400 | HOÀNG THỊ DIỄM       | KHOA CẤP CỨU                  | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 401 | ĐINH THỊ THỊNH       | KHOA CẤP CỨU                  | 0,7             | 0,7 | 0,7 | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 402 | NGUYỄN THỊ NGỌC      | KHOA CẤP CỨU                  | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 403 | LỤC THỊ HẠNH         | KHOA CẤP CỨU                  | 1               | 0   | 0   | 1    | 1.687.490  |                 | 1.687.490    |         |
| 404 | LÊ ÁNH HỒNG PHONG    | KHOA CẤP CỨU                  | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 405 | LÊ THỊ THU           | KHOA CẤP CỨU                  | 1               | 1   | 0   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 406 | NGUYỄN THỊ MINH TÂM  | KHOA CẤP CỨU                  | 1,5             | 1,5 | 1,5 | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 407 | ĐINH THỊ NHUNG       | KHOA CẤP CỨU                  | 1               | 0   | 1   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 408 | TRẦN VĂN HỌC         | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC         | 1,7             | 1,7 | 1,7 | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 409 | TRẦN VĂN HIẾU        | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC         | 1,5             | 1,5 | 1,5 | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 410 | TRẦN HÙNG CƯỜNG      | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC         | 1,4             | 1,4 | 1,4 | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 411 | NGUYỄN VĂN TUẤN      | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC         | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 412 | ĐINH THỊ NHƯ QUỲNH   | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC         | 0,7             | 0,7 | 0,7 | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 413 | TRẦN THANH HƯỜNG     | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC         | 1,1             | 1,1 | 1,1 | 3,3  | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |         |
| 414 | NGUYỄN HỒNG NHUNG    | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC         | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 415 | NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÀ | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC         | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |

| Stt | Họ và tên           | Khoa, phòng             | Hệ số TTN tháng |     |     | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|---------------------|-------------------------|-----------------|-----|-----|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                     |                         | 4               | 5   | 6   |      |            |                 |              |         |
| 416 | VƯƠNG TIỀN VĂN      | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 417 | HOÀNG THỊ DẦN       | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 418 | MAI THỊ OANH        | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 419 | NGUYỄN NGỌC ỨNG     | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 420 | LÊ XUÂN AN          | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 421 | NGUYỄN THỊ KIM THẢO | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 422 | NGUYỄN HỒNG VÂN     | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 423 | TRẦN QUYẾT THẮNG    | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 424 | LÙ THỊ PHƯƠNG NGÂN  | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 1               | 0   | 1   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 425 | NGUYỄN XUÂN ĐIỀN    | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 426 | HOÀNG DUY DƯƠNG     | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 1,2             | 1,2 | 0   | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 427 | TÔ HỮU TOẠI         | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 1,3             | 1,3 | 1,3 | 3,9  | 6.581.212  |                 | 6.581.212    |         |
| 428 | VŨ THỊ HẰNG         | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC   | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 429 | ĐÀO CẨM LÊ          | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 1,7             | 1,7 | 1,7 | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 430 | ĐỖ THỊ THU HƯƠNG    | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 1,2             | 0   | 0   | 1,2  | 2.024.988  |                 | 2.024.988    |         |
| 431 | MAI THỊ KHÔI        | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 1               | 1   | 0,8 | 2,8  | 4.724.973  |                 | 4.724.973    |         |
| 432 | LÊ ĐÌNH THỦY        | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 0,5             | 1   | 1   | 2,5  | 4.218.726  |                 | 4.218.726    |         |
| 433 | VŨ THỊ MAI TRANG    | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 1,3             | 1,3 | 1,3 | 3,9  | 6.581.212  |                 | 6.581.212    |         |
| 434 | HOÀNG THỊ LIỄU      | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 435 | LÊ THỊ THỦY         | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 436 | HOÀNG THỊ THU       | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 437 | ĐOÀN THỊ CÚC        | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 438 | ĐỖ THỊ HUỆ          | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 439 | BÙI TUYẾT TRINH     | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 440 | ĐỖ THỊ THẢO         | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 1               | 1   | 0,5 | 2,5  | 4.218.726  |                 | 4.218.726    |         |
| 441 | LY THỊ CHÚM         | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 442 | VŨ THỊ TIÊN         | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 443 | HÀ TRỌNG NGHĨA      | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |

| Stt | Họ và tên             | Khoa, phòng          | Hệ số TTN tháng |     |     | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------------------|-----------------|-----|-----|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                       |                      | 4               | 5   | 6   |      |            |                 |              |         |
| 444 | NGUYỄN THỊ DUYÊN      | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1,7             | 1,7 | 1,7 | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 445 | TRẦN THỊ TUYẾT        | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1,4             | 1,4 | 1,4 | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 446 | PHAN THỊ VÂN HỒ       | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 447 | NGUYỄN THỊ LOAN       | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 448 | NGUYỄN NGỌC LINH      | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 0,8             | 0   | 0   | 0,8  | 1.349.992  |                 | 1.349.992    |         |
| 449 | BÙI THỊ OANH          | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 450 | NGUYỄN THỊ GIANG (NG) | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 451 | ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO  | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 452 | NINH THỊ HƯỜNG        | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 453 | TÔ THỊ THU TRANG      | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 454 | CHU THỊ HƯƠNG         | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 455 | BÙI THU HÀ            | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1,5             | 1,5 | 1,5 | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 456 | VŨ XUÂN PHÚC          | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 457 | MAI THỊ HOA           | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 0,7             | 0,7 | 0,7 | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 458 | DƯƠNG HỒNG CHUYỀN     | KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 459 | ĐỖ THỊ ĐEP            | KHOA DA LIỄU         | 1,7             | 1,7 | 1,7 | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 460 | LÊ THÚY LIÊN          | KHOA DA LIỄU         | 1,4             | 1,4 | 1,4 | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 461 | NGUYỄN THỊ TÁM        | KHOA DA LIỄU         | 1               | 1   | 0   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 462 | MAI HỒNG SINH         | KHOA DA LIỄU         | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 463 | VƯƠNG THỊ HẢI         | KHOA DA LIỄU         | 0,8             | 0   | 0,8 | 1,6  | 2.699.984  |                 | 2.699.984    |         |
| 464 | HOÀNG THỊ GIÁM        | KHOA DA LIỄU         | 1               | 0   | 1   | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 465 | NGUYỄN THỊ TIỆP       | KHOA DA LIỄU         | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 466 | ĐÀM NHƯ HOA           | KHOA DA LIỄU         | 1               | 1   | 1   | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 467 | TRẦN VŨ GIANG         | KHOA DA LIỄU         | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 468 | NGUYỄN THỊ TUYẾT      | KHOA DA LIỄU         | 1,2             | 1,2 | 1,2 | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 469 | TRIỆU NGỌC THÚY       | KHOA DA LIỄU         | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 470 | NGUYỄN BÁ GIANG       | KHOA TÂM THẦN        | 1,7             | 1,7 | 1,7 | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 471 | HOÀNG THỊ LÊ          | KHOA TÂM THẦN        | 0               | 0   | 0   | 0    | 0          |                 | -            |         |

| Stt | Họ và tên             | Khoa, phòng                | Hệ số TTN tháng |      |      | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------------------------|-----------------|------|------|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |                       |                            | 4               | 5    | 6    |      |            |                 |              |         |
| 472 | LÝ THỊ BÌNH           | KHOA TÂM THẦN              | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 473 | NGUYỄN THỊ XỨNG       | KHOA TÂM THẦN              | 0,7             | 0    | 0,7  | 1,4  | 2.362.486  |                 | 2.362.486    |         |
| 474 | VŨ THỊ TIU            | KHOA TÂM THẦN              | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 475 | NGUYỄN THỊ HUYỀN      | KHOA TÂM THẦN              | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 476 | CHU THÀNH VĨNH        | KHOA TÂM THẦN              | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 477 | LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO | KHOA TÂM THẦN              | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 478 | TRẦN KIM OANH         | KHOA TÂM THẦN              | 1,4             | 1,2  | 1,2  | 3,8  | 6.412.463  |                 | 6.412.463    |         |
| 479 | MAI ĐỨC AN            | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 1,5             | 1,5  | 1,5  | 4,5  | 7.593.706  |                 | 7.593.706    |         |
| 480 | ĐỖ VĂN NGHĨA          | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 1,7             | 1,7  | 1,7  | 5,1  | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |         |
| 481 | CAO THỊ THOA          | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 482 | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG     | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 483 | LƯU THỊ THẢO          | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 0               | 1    | 1    | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 484 | HOÀNG VĂN HUÂN        | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 0,8             | 0,8  | 0,8  | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 485 | NGUYỄN THỊ VĂN ANH    | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 0               | 1    | 1    | 2    | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |         |
| 486 | NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG  | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 487 | HOÀNG THỊ HƯƠNG       | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 1,2             | 1,2  | 0    | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |
| 488 | NGUYỄN ĐỨC HUÂN       | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 1,3             | 1,3  | 1,3  | 3,9  | 6.581.212  |                 | 6.581.212    |         |
| 489 | NGUYỄN THỊ KIM VÂN    | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 1,2             | 1,2  | 1,2  | 3,6  | 6.074.965  |                 | 6.074.965    |         |
| 490 | NGUYỄN THỊ NHUNG      | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 0               | 0    | 0    | 0    | 0          |                 | -            |         |
| 491 | NGUYỄN THÙY NINH      | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 1,4             | 1,4  | 1,4  | 4,2  | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |         |
| 492 | TRẦN THỊ LÝ           | KHOA TRUYỀN NHIỄM          | 1               | 1    | 1    | 3    | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |         |
| 493 | NGUYỄN VĂN ĐIỆP       | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 1,6             | 1,6  | 1,28 | 4,48 | 7.559.957  |                 | 7.559.957    |         |
| 494 | HOÀNG THỊ TUYẾT       | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 1,4             | 1,4  | 1,12 | 3,92 | 6.614.962  |                 | 6.614.962    |         |
| 495 | BÙI THỊ MAI           | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 0,96            | 1,2  | 1,2  | 3,36 | 5.669.967  |                 | 5.669.967    |         |
| 496 | NGUYỄN THỊ NỤ         | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 0,7             | 0,56 | 0,7  | 1,96 | 3.307.481  |                 | 3.307.481    |         |
| 497 | NGUYỄN THỊ BÌNH LÊ    | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 0,7             | 0,7  | 0,7  | 2,1  | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |         |
| 498 | NGUYỄN THỊ GIANG (HL) | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 0,56            | 0,7  | 0,7  | 1,96 | 3.307.481  |                 | 3.307.481    |         |
| 499 | ĐỖ THỊ MINH NGUYỆT    | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 0,8             | 0,8  | 0,8  | 2,4  | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |         |

| Stt | Họ và tên           | Khoa, phòng                | Hệ số TTN tháng |       |       | Cộng  | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đổ tài khoản | Ghi chú  |
|-----|---------------------|----------------------------|-----------------|-------|-------|-------|------------|-----------------|--------------|----------|
|     |                     |                            | 4               | 5     | 6     |       |            |                 |              |          |
| 500 | NÔNG THỊ HOẠT       | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 0,7             | 0,7   | 0,7   | 2,1   | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |          |
| 501 | LÊ THỊ QUỲNH        | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 0,7             | 0,7   | 0,7   | 2,1   | 3.543.730  |                 | 3.543.730    |          |
| 502 | HOÀNG THỊ ĐUA       | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 0,7             | 0,56  | 0,7   | 1,96  | 3.307.481  |                 | 3.307.481    |          |
| 503 | HỨA THỊ GIANG       | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 1               | 0,8   | 0     | 1,8   | 3.037.483  |                 | 3.037.483    |          |
| 504 | HOÀNG THỊ LY        | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 1               | 1     | 1     | 3     | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |          |
| 505 | LÀ THỊ NHANH        | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 1               | 0,8   | 1     | 2,8   | 4.724.973  |                 | 4.724.973    |          |
| 506 | HOÀNG KHẮC TÌNH     | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 0               | 1,2   | 1,2   | 2,4   | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |          |
| 507 | MAI THỊ HUYỀN       | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 0,56            | 0,56  | 0,7   | 1,82  | 3.071.232  |                 | 3.071.232    |          |
| 508 | NGUYỄN VĂN QUANG    | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 0,7             | 0,56  | 0,56  | 1,82  | 3.071.232  |                 | 3.071.232    |          |
| 509 | HOÀNG THỊ NGHỆ      | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN | 1,2             | 0     | 1,2   | 2,4   | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |          |
| 510 | NGUYỄN GIANG HẢI    | KHOA LÃO KHOA              | 1,7             | 1,7   | 1,7   | 5,1   | 8.606.201  |                 | 8.606.201    |          |
| 511 | CAM THỊ HUỆ         | KHOA LÃO KHOA              | 1,4             | 1,4   | 1,4   | 4,2   | 7.087.459  |                 | 7.087.459    |          |
| 512 | HOÀNG KIM ANH       | KHOA LÃO KHOA              | 1               | 1     | 0     | 2     | 3.374.981  |                 | 3.374.981    |          |
| 513 | ĐỖ MINH CHIẾN       | KHOA LÃO KHOA              | 1               | 1     | 1     | 3     | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |          |
| 514 | DƯƠNG THỊ HUỆ       | KHOA LÃO KHOA              | 0,8             | 0,8   | 0,8   | 2,4   | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |          |
| 515 | NGHIÊM THỊ THÚY     | KHOA LÃO KHOA              | 1               | 1     | 1     | 3     | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |          |
| 516 | TRẦN THỊ LAN        | KHOA LÃO KHOA              | 1               | 1     | 1     | 3     | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |          |
| 517 | NGUYỄN VĂN TƯỚC     | KHOA LÃO KHOA              | 1               | 1     | 1     | 3     | 5.062.471  |                 | 5.062.471    |          |
| 518 | HOÀNG THỊ THANH TÂM | KHOA LÃO KHOA              | 1,1             | 1,1   | 1,1   | 3,3   | 5.568.718  |                 | 5.568.718    |          |
| 519 | NGUYỄN CHÍ ĐỆ       | KHOA LÃO KHOA              | 1,2             | 1,2   | 0     | 2,4   | 4.049.977  |                 | 4.049.977    |          |
| 520 | PHẠM THÚY NGÀ       | KHOA LÃO KHOA              | 0,96            | 0,96  | 1,2   | 3,12  | 5.264.970  |                 | 5.264.970    |          |
| 521 | NGUYỄN THỊ HẠNH     | KHOA LÃO KHOA              | 0               | 0     | 0     | 0     | 0          |                 | -            |          |
| 522 | NGUYỄN THỊ THU HÀ   | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN    | 0,275           | 0,275 | 0,275 | 0,825 | 1.392.179  |                 | 1.392.179    | Hợp đồng |
| 523 | ĐẶNG MINH TUẤN      | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN    | 0,3             | 0,3   | 0,3   | 0,9   | 1.518.741  |                 | 1.518.741    | Hợp đồng |
| 524 | NGUYỄN MẠNH HÙNG    | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN    | 0,3             | 0,3   | 0,3   | 0,9   | 1.518.741  |                 | 1.518.741    | Hợp đồng |
| 525 | NGUYỄN QUỐC KHÁNH   | PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ  | 0,3             | 0,3   | 0,3   | 0,9   | 1.518.741  |                 | 1.518.741    | Hợp đồng |
| 526 | NGUYỄN ĐỨC TUYÊN    | PHÒNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG | 0,3             | 0,3   | 0,3   | 0,9   | 1.518.741  |                 | 1.518.741    | Hợp đồng |
| 527 | PHÙNG PHƯƠNG NAM    | PHÒNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG | 0,22            | 0,275 | 0,275 | 0,77  | 1.299.368  |                 | 1.299.368    | Hợp đồng |

| Stt | Họ và tên         | Khoa, phòng                   | Hệ số TTN tháng |        |        | Cộng    | Thành tiền    | Bị phạt trừ TTN | Đổ tài khoản  | Ghi chú   |
|-----|-------------------|-------------------------------|-----------------|--------|--------|---------|---------------|-----------------|---------------|-----------|
|     |                   |                               | 4               | 5      | 6      |         |               |                 |               |           |
| 528 | NGUYỄN THẾ LỰC    | PHÒNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG    | 0,3             | 0,3    | 0,3    | 0,9     | 1.518.741     |                 | 1.518.741     | Hợp đồng  |
| 529 | BÙI THỊ CẨM VÂN   | PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ          | 0,3             | 0,3    | 0,3    | 0,9     | 1.518.741     |                 | 1.518.741     | Hợp đồng  |
| 530 | THÁI THANH XUÂN   | PHÒNG VẬT TƯ - TBYT           | 0               | 0,275  | 0,275  | 0,55    | 928.120       |                 | 928.120       | Hợp đồng  |
| 531 | SẦM THỊ TƯƠI      | KHOA TAI MŨI HỌNG             | 0,175           | 0,175  | 0,175  | 0,525   | 885.932       |                 | 885.932       | Hợp đồng  |
| 532 | ĐẶNG HỮU TRINH    | KHOA TAI MŨI HỌNG             | 0,25            | 0,25   | 0,25   | 0,75    | 1.265.618     |                 | 1.265.618     | Hợp đồng  |
| 533 | BÙI MINH TÚ       | KHOA XÉT NGHIỆM               | 0,25            | 0,25   | 0,25   | 0,75    | 1.265.618     |                 | 1.265.618     | Hợp đồng  |
| 534 | NGUYỄN THU THỦY   | KHOA XÉT NGHIỆM               | 0,25            | 0,25   | 0,25   | 0,75    | 1.265.618     |                 | 1.265.618     | Hợp đồng  |
| 535 | LÊ HỮU TÚ         | KHOA XÉT NGHIỆM               | 0,275           | 0,275  | 0,275  | 0,825   | 1.392.179     |                 | 1.392.179     | Hợp đồng  |
| 536 | BÙI THỊ XUYỀN     | KHOA VI SINH                  | 0,275           | 0,275  | 0,275  | 0,825   | 1.392.179     |                 | 1.392.179     | Hợp đồng  |
| 537 | NGUYỄN THỊ DU     | KHOA NHI                      | 0,25            | 0,25   | 0,25   | 0,75    | 1.265.618     |                 | 1.265.618     | Hợp đồng  |
| 538 | NGUYỄN THỊ THẢO   | KHOA NỘI TỔNG HỢP             | 0,25            | 0,25   | 0,25   | 0,75    | 1.265.618     |                 | 1.265.618     | Hợp đồng  |
| 539 | NGUYỄN THỊ NHẪN   | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT      | 0,25            | 0,25   | 0,25   | 0,75    | 1.265.618     |                 | 1.265.618     | Hợp đồng  |
| 540 | NGUYỄN THỊ HIỀN   | KHOA TIM MẠCH - NỘI TIẾT      | 0,2             | 0,25   | 0      | 0,45    | 759.371       |                 | 759.371       | Hợp đồng  |
| 541 | NGUYỄN THÀNH LONG | KHOA CHẨN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH | 0,25            | 0,25   | 0,25   | 0,75    | 1.265.618     |                 | 1.265.618     | Hợp đồng  |
| 542 | TRẦN CÔNG TUẤN    | KHOA CẤP CỨU                  | 0,275           | 0,275  | 0,275  | 0,825   | 1.392.179     |                 | 1.392.179     | Hợp đồng  |
| 543 | PHẠM THỊ HUẾ      | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC         | 0,25            | 0,25   | 0,25   | 0,75    | 1.265.618     |                 | 1.265.618     | Hợp đồng  |
| 544 | TRẦN TIẾN CƯỜNG   | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC         | 0               | 0      | 0      | 0       | 0             |                 | -             | Hợp đồng  |
| 545 | NGÔ BẢO CHUNG     | KHOA HSTC & CHỐNG ĐỘC         | 0               | 0,25   | 0,25   | 0,5     | 843.745       |                 | 843.745       | Hợp đồng  |
| 546 | BÙI THỊ VIỆT      | KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG       | 0,25            | 0,25   | 0,25   | 0,75    | 1.265.618     |                 | 1.265.618     | Hợp đồng  |
| 547 | MA VĂN HUY        | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN    | 0,25            | 0,25   | 0,25   | 0,75    | 1.265.618     |                 | 1.265.618     | Hợp đồng  |
| 548 | HOÀNG NGỌC DƯƠNG  | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN    | 0,25            | 0,25   | 0,25   | 0,75    | 1.265.618     |                 | 1.265.618     | Hợp đồng  |
| 549 | VƯƠNG THỊ TƯƠI    | KHOA LÃO KHOA                 | 0,175           | 0,175  | 0,175  | 0,525   | 885.932       |                 | 885.932       | Hợp đồng  |
| 550 | PHÍ THỊ MẪN       | PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN       | 1               | 0      | 0      | 1       | 1.687.490     |                 | 1.687.490     | Nghi hưu  |
| 551 | NGUYỄN THỊ DUYÊN  | KHOA XÉT NGHIỆM               | 1               | 1      | 0      | 2       | 3.374.981     |                 | 3.374.981     | Nghi hưu  |
| 552 | LÊ THỊ HƯƠNG      | KHOA SẢN                      | 0,8             | 0      | 0      | 0,8     | 1.349.992     |                 | 1.349.992     | Nghi hưu  |
| 553 | NGUYỄN HÀ VINH    | KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN    | 0               | 0      | 0      | 0       | 0             |                 | -             | Thôi việc |
|     | CỘNG              |                               | 508,75          | 497,67 | 475,07 | 1481,49 | 2.500.000.034 | 1.300.000       | 2.498.700.034 |           |

| Stt | Họ và tên | Khoa, phòng | Hệ số TTN tháng |   |   | Cộng | Thành tiền | Bị phạt trừ TTN | Đỗ tài khoản | Ghi chú |
|-----|-----------|-------------|-----------------|---|---|------|------------|-----------------|--------------|---------|
|     |           |             | 4               | 5 | 6 |      |            |                 |              |         |

Tổng số tiền bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu bảy trăm nghìn không trăm ba mươi bốn đồng chẵn.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Giang, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Văn Trung

Đỗ Thị Kim Thanh